TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 19-02-2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29-3-2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1994; địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp Đ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ hiện trú: Số B hẻm A đường A, Phường A, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ nơi cư trú: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-02-2024, biên bản lấy lời khai đương sự ngày 11-3-2024, đơn đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 11-3-2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày bà và ông Trần Văn H kết hôn ngày 4-10-2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78). Vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không

thay đổi và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu xin ly hôn với ông H. Thời gian chung sống giữa bà và ông H có một con chung tên Trần Thị Hồng M1 (sinh ngày 4-8-2017) hiện đang sống cùng bà M, khi ly hôn bà M yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con chung. Tài sản chung, nợ chung giữa bà và ông H không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị M vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Trần Văn H vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt không có lý do và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho bà Nguyễn Thị M ly hôn với ông Trần Văn H; về con chung Trần Thị Hồng M1 (sinh ngày 4-8-2017) hiện đang sống cùng bà M nên tiếp tục giao cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đã thành niên; cấp dưỡng cho con chung, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M là vụ án hôn nhân và gia đình về *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình; bị đơn ông Trần Văn H cư trú ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Bà M và ông H kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 4-10-2017 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo bà M trình bày bà và ông H chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly

thân từ năm 2022 đến nay. Qua xác minh địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ly hôn giữa bà M và ông H; Phòng Văn hóa và Thông tin huyện M cung cấp thông tin thời gian chung sống giữa bà M và ông H không xảy ra tình trạng bạo lực gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ nhưng bà M vẫn kiên quyết xin ly hôn, ông H nhận văn bản của Toà án tống đạt thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà M đối với ông nhưng ông vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện bà M và ông H sau khi ly thân thì mỗi người tự sống cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Xét bà M yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà M trình bày bà và ông H có một con chung tên Trần Thị Hồng M1 (sinh ngày 4-8-2017) hiện đang sống cùng bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến thành niên và không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con; ông H không có ý kiến gì về vấn đề con chung gửi đến Toà án. Xét thấy, cháu M1 sống cùng với bà M từ nhỏ và hiện do bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu cho bà M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của bà M, ông H; ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng cho con chung bà M không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông H không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà M phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 14 Điều 3, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M với bị đơn ông Trần Văn H:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 4-10-2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Hồng M1 (sinh ngày 4-8-2017) cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đã thành niên; ông Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng cho con chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Trần Văn H không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài nợ chung: Bà Nguyễn Thị M trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông Trần Văn H không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000232 ngày 16-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Nhẫn